

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Mr. Ponce 45

Đ: 43
H: 05

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Nói thương mại (22435501)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122240163	Trần Bùi Việt Anh	23/01/2004	CCQ2224E			7.0	40	5.2
2	2122240004	Nguyễn Tấn Đạt	27/08/2000	CCQ2224A			9.3	80	8.5
3	2122240031	Lê Thị Thùy Dung	01/10/2001	CCQ2224A			9.4	58	7.2
4	2122240042	Trần Thị Mỹ Duyên	20/01/2004	CCQ2224B			8.3	60	6.9
5	2122240007	Hồ Thị Giang	25/12/1999	CCQ2224A			9.2	81	8.5
6	2122240055	Võ Thị Thu Hà	23/01/2004	CCQ2224B			7.6	1.6	4.0
7	2122240017	Trần Ngọc Hân	04/03/2004	CCQ2224A			8.8	65	7.4
8	2122240038	Kim Thị Bé Hiền	01/12/2002	CCQ2224B			0.0		
9	2122240028	Hồ Thị Kim Hoa	08/05/2004	CCQ2224A			8.8	52	6.6
10	2122240048	Trần Khánh Hưng	02/02/2004	CCQ2224B			8.4	79	8.1
11	2122240146	Trần Thu Hương	20/08/2003	CCQ2224E			8.6	50	6.4
12	2122240052	Lê Công Huy	26/06/1999	CCQ2224B			9.4	74	8.2
13	2122240160	Tô Minh Huy	29/10/2004	CCQ2224B			0.0		
14	2122240072	Lê Hoàng Khương	28/05/2001	CCQ2224C			9.5	91	9.3
15	2122240040	Nguyễn Anh Kiệt	12/01/2004	CCQ2224B			9.0	68	7.7
16	2122240011	Trần Thị Luyến	25/08/2004	CCQ2224A			9.2	76	8.2
17	2122240021	Đường Thúc Ly	11/12/2004	CCQ2224A			8.1	53	6.4
18	2122240032	Vũ Thị Ngọc Mai	01/01/2004	CCQ2224A			9.4	64	7.6
19	2122240010	Lê Thị Xuân Ngân	20/10/2004	CCQ2224A			8.4	52	6.5
20	2122240025	Mai Ngọc Ý Nhi	19/01/2004	CCQ2224A			9.1	77	8.3
21	2122240062	Ông Thị Thiên Nhi	04/10/2004	CCQ2224B			8.0	15	4.1
22	2122240022	Phạm Thị Yến Nhi	08/08/2004	CCQ2224A			7.6	0.8	3.5
23	2122240024	Nguyễn Tú Như	20/01/2004	CCQ2224A			8.6	68	7.5
24	2122240156	Đỗ Anh Quốc	16/10/2002	CCQ2224B			8.0	78	7.9
25	2122240058	Ngô Nguyễn Thanh Quyên	29/05/2004	CCQ2224B			8.0	55	6.5
26	2122240086	Nông Thị Hồng Quyên	24/10/2000	CCQ2224C			9.7	95	9.6
27	2122240091	Đỗ Ngọc Như Quỳnh	13/04/2004	CCQ2224C			9.1	68	7.7
28	2122240069	Nguyễn Thị Tú Quỳnh	04/10/2003	CCQ2224C			9.7	93	9.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2023-2024)

Mr. Ponce

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Nói thương mại (22435501)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 48
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122240060	Vũ Thị Trúc	Quỳnh	27/10/2004	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.0	39	5.5
30	2122240009	Đỗ Thị	Thảo	09/03/2000	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	8.4	63	7.1
31	2122240053	Nguyễn Phạm Thanh	Thảo	28/10/2004	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.1	36	5.4
32	2122240023	Nguyễn Trần Ngọc	Thảo	22/12/2004	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	8.8	84	8.6
33	2122240016	Nguyễn Thanh	Thư	10/12/2004	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	8.7	68	7.5
34	2122240039	Chu Thị	Thúy	16/11/1998	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	9.0	53	6.8
35	2122240102	Nguyễn Thị	Thúy	02/01/2004	CCQ2224D	<i>(Signature)</i>	9.0	77	8.2
36	2122240008	Lê Thị Hồng	Tiên	26/04/2001	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	9.3	91	9.2
37	2122240013	Đàng Thị Mỹ Kim	Tiến	23/04/2001	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	7.8	49	6.1
38	2122240015	Bùi Thị Kim	Tinh	16/03/2004	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	8.7	68	7.6
39	2122240155	Nguyễn Thị Hoài	Tinh	10/08/2002	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.0	39	5.5
40	2122240059	Huỳnh Nguyễn Bảo	Trâm	19/06/2004	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.5	68	7.4
41	2122240035	Hồ Thị Huyền	Trang	24/10/2004	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.6	58	6.9
42	2122240205	Lâm Đoàn Quốc	Trí	07/05/2004	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	9.4	91	9.2
43	2122240018	Bùi Thị Ngọc	Tuyền	31/12/2002	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	9.1	77	8.3
44	2122240212	Hồ Thị Phương	Uyên		CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	9.1	78	8.3
45	2122240054	Nguyễn Trần Thảo	Uyên	02/12/2004	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.0	68	7.3
46	2122240158	Nguyễn Thuý	Vân	27/10/2004	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.0	1.5	4.1
47	2122240047	Nguyễn Thị	Vi	04/08/2003	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.3	56	6.7
48	2122240033	Trần Thị Diễm	Vy	20/06/2004	CCQ2224A	<i>(Signature)</i>	8.6	65	7.3
49	2122240037	Võ Tường	Vy	31/01/2004	CCQ2224B	<i>(Signature)</i>	8.3	70	7.5
50	2122240120	Trần Hải	Yến	19/12/2004	CCQ2224E	<i>(Signature)</i>	8.5	1.8	4.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Ms. Azianne

46

Đ: 26
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Nôi thương mại (22435502)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 26

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

P.T. Thu

P.T. Thu

P.T. Thu

P.T. Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121240122	Trần Hoài Vân	Anh	08/12/2003	CCQ2124E		Chinh	9.4	5.1	6.8
2	2122240193	Dương Thị Bảo	Chân	26/12/2004	CCQ2224F		Chân	8.8	6.0	7.1
3	2122240085	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	01/09/2004	CCQ2224C		Dem	9.0	6.6	7.6
4	2121110047	Dương Nguyễn Anh	Dũng	22/09/2003	CCQ2124F		Dũng	8.6	6.9	7.6
5	2122240096	Phạm Thị Thu	Hà	31/07/2004	CCQ2224D		Hà	8.6	5.8	6.9
6	2122240068	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	10/06/2003	CCQ2224C		Hiền	8.9	8.4	8.6
7	2122240077	Nguyễn Ngọc Kiều	Hương	05/05/2003	CCQ2224C		Hương	9.4	6.5	7.7
8	2122240174	Hà Thanh	Huyền	10/08/2004	CCQ2224F		Hà Thanh	9.1	7.4	8.1
9	2122240189	Ngô Thị Cẩm	Ly	20/12/2003	CCQ2224F		Ngô Thị Cẩm	9.6	6.6	7.8
10	2122240110	Hoàng Thị	Mai	10/11/2001	CCQ2224D		Mai	9.6	8.0	8.6
11	2122240070	Nguyễn Vũ Hà	My	13/05/2004	CCQ2224C		My	7.8	4.0	5.5
12	2122240152	Đinh Thịnh	Phát	12/05/2003	CCQ2224B			0.0		
13	2122240066	Vũ Thu	Phương	23/01/2003	CCQ2224C		Phương	8.5	6.0	7.0
14	2121240011	Võ Thị Bích	Phượng	25/02/2003	CCQ2124A		Phượng	7.6	3.3	5.0
15	2122240197	Lê Thị Thu	Sương	10/06/2004	CCQ2224E		Sương	8.6	7.0	7.6
16	2122240103	Phan Vũ	Thành	20/12/2004	CCQ2224D		Thành	8.8	5.4	6.8
17	2122240203	Đỗ Thị	Thùy	10/11/2001	CCQ2224D		Thùy	9.3	8.2	8.6
18	2122240012	Hồ Thị Quế	Trân	25/07/2002	CCQ2224A		Trân	6.5	8.5	7.7
19	2122240093	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	23/06/2004	CCQ2224D		Trình	9.3	5.1	6.8
20	2122110238	Nguyễn Hoài	Trọng	15/05/2004	CCQ2224E		Trọng	9.3	7.4	8.2
21	2122240107	Ông Thị Cẩm	Trúc	05/01/2004	CCQ2224D		Trúc	8.0	3.6	5.4
22	2122240063	Đạo Thanh	Trường	28/01/2004	CCQ2224C		Trường	7.7	6.4	6.9
23	2122240073	Lê Thị Ngọc	Tuyền	11/05/2003	CCQ2224C		Tuyền	8.3	5.4	6.6
24	2120240253	Hứa Nhật Phương	Uyên	18/05/2002	CCQ2024H		Uyên	7.9	6.0	6.8
25	2122240187	Phạm Thị Thùy	Vân	28/10/2004	CCQ2224F		Thùy	9.6	7.8	8.5
26	2122240076	Bùi Thị Tuyền	Vi	22/10/2004	CCQ2224C		Vi	8.8	4.4	6.2
27	2122240198	Nguyễn Thị Tường	Vy	13/04/2004	CCQ2224D			5.8		
28	2122240065	H.	Yến	25/11/2003	CCQ2224C		Yến	8.8	7.5	8.0